

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2022
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh và ông Đàm Chí Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu 3, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (*vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Phùng Văn T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khu 3, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. (*đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị Vũ Thị P trình bày:

Chị và anh Phùng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y nay là phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16 tháng 12 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu 3, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T mãi chơi cờ bạc làm thất thoát kinh tế gia đình, ngoài ra anh T còn có hành vi ngoại tình với người khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, động viên nhưng không có kết quả. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phùng Văn T.

Về con chung: Chị và anh Phùng Văn T có hai con chung là Phùng Thị Minh T, sinh ngày 16/12/2006 và Phùng Minh T1, sinh ngày 18/8/2009. Tại đơn khởi kiện chị đề nghị được nuôi con chung Phùng Thị Minh T, giao con chung Phùng Minh T1 cho anh T nuôi dưỡng sau đó tại bản tự khai chị thay đổi quan điểm đề nghị được nuôi cả hai con chung đến khi thành niên, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Phùng Văn T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị P đã có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh T vắng mặt không có lý do.

Ngày 10/6/2022, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị P và anh T cư trú thấy:

Về tình trạng hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16/12/2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại khu 3, phường N, thị

xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống chị P và anh T hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị P kể lại là do anh T mãi chơi cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 mỗi người một cuộc sống riêng, không ai nói chuyện với ai. Đại diện khu phố đã tiến hành hòa giải để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng chị P và anh T vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật gây cản trở cho quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Vũ Thị P được ly hôn với anh Phùng Văn T. Giao cả hai con chung Phùng Thị Minh T, sinh ngày 16/12/2006 và Phùng Minh T1, sinh ngày 18/8/2009 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền xét xử của Tòa án:** Chị Vũ Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn T có địa chỉ tại khu 3, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- **Về việc xét xử vắng mặt đương sự:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên chị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định tại các điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P và anh Phùng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y nay là phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16 tháng 12 năm 2005. Do vậy hôn nhân của chị Vũ Thị P và anh Phùng Văn T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống chị P và anh T xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù sống chung nhà nhưng anh chị đã sống ly thân nhau, không ai nói chuyện với ai, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Bản thân anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Anh T cũng không có bất cứ biện pháp gì cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ anh T không muốn cố gắng để tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này. Vì vậy, việc chị P khởi kiện xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị Vũ Thị P và anh Phùng Văn T có hai con chung là Phùng Thị Minh T, sinh ngày 16/12/2006 và Phùng Minh T1, sinh ngày 18/8/2009. Cả hai cháu hiện tại có sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị P. Chị P có quan điểm đề nghị giao cả hai con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị P làm việc tự do với mức thu nhập là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)/một tháng, đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt không có lý do, anh T cũng không có quan điểm gì về con chung. Ngoài ra, nguyện vọng của cả hai cháu đều muốn được ở cùng mẹ. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

chị P, giao con chung cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị P.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P được ly hôn anh Phùng Văn T.

- Về con chung: Giao cả hai con chung Phùng Thị Minh T, sinh ngày 16/12/2006 và Phùng Minh T1, sinh ngày 18/8/2009 cho chị Vũ Thị P trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Phùng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai số 0010647 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q. Chị P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị P và anh Phùng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND phường N;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh

Đàm Chí Thân

Vũ Công Mười

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh

Đàm Chí Thân

Vũ Công Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND xã Liên Vị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười